|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Logo moi**  **DỰ THẢO** | **CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM BAO BÌ HẢI PHÒNG**  Số: /BC-HPVC | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *Hải Phòng, ngày tháng năm 2019* |

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018

VÀ KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Phần thứ nhất

THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

**I.Tình hình hoạt động**

Năm 2018, Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng đã tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh tiêu thụ sản phẩm với những khó khăn và thuận lợi sau:

**1.Thuận lợi:**

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo tạo điều kiện của Lãnh đạo Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam, lãnh đạo Công ty xi măng Hải Phòng và các đơn vị bạn hàng.

Tập thể cán bộ công nhân viên của Công ty với tinh thần đoàn kết, thống nhất cao, giàu kinh nghiệm, luôn nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**2.Khó khăn, thách thức:**

Năm 2018, kinh tế cả nước nói chung có dấu hiệu khởi sắc, thị trường tiêu thụ xi măng tăng trưởng, thời tiết thuận lợi nên mặc dù giá bán xi măng tăng không ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ xi măng. Tuy nhiên, việc cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị cung cấp vỏ bao trong khu vực đã ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD của Công ty.

Thị trường giá cả vật tư đầu vào cho ngành sản xuất vỏ bao vẫn liên tục biến động tăng, đặc biệt là nguyên liệu chính như hạt nhựa và giấy kraft tăng mạnh theo tình hình biến động giá dầu thế giới đã ảnh hưởng trực tiếp tới giá thành sản xuất vỏ bao.

Thị trường chính của Công ty là Xi măng Vicem Hải Phòng yêu cầu rất cao về tính thẩm mỹ và chất lượng sản phẩm. Vì vậy, để đáp ứng điều kiện đóng tháo tương đối khắc nghiệt tại Xi măng Hải Phòng, Bao bì Hải Phòng đã phải điều chỉnh sản xuất, tăng cường chất lượng các công đoạn để kịp thời đáp ứng yêu cầu khách hàng.

Thị trường vỏ bao xuất khẩu thường xuyên thay đổi mẫu mã theo xác báo của nhà nhập khẩu nước ngoài, tiến độ cung cấp cũng yêu cầu khẩn trương khiến bộ phận kinh doanh và sản xuất phải cân đối điều chỉnh đơn hàng để đáp ứng tiến độ giao hàng, làm ảnh hưởng đến năng suất thiết bị.

Dây chuyền máy móc thiết bị đã qua nhiều năm khai thác sử dụng đã bộc lộ nhiều hư hỏng phải thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa. Để ổn định chất lượng sản phẩm và đảm bảo năng suất sản xuất, đáp ứng tiến độ giao hàng, Công ty đã đầu tư bổ sung và thay thế các đầu máy may, sửa chữa thay thế nhiều chi tiết máy móc, thiết bị để tăng cường chất lượng sản phẩm.

Dư nợ tiền hàng luôn duy trì ở mức cao đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến vòng quay vốn lưu động và phát sinh tăng chi phí tài chính.

**II.Tổng quan về kết quả SXKD:**

**1.Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018**:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Danh mục** | **Doanh thu (tỷ đồng)** | **Lợi nhuận (tỷ đồng )** | **Nộp NS (tỷ đồng)** | **EBITDA (tỷ đồng)** | **Tỷ suất R.O.A (%)** | **Tỷ suất R.O.E (%)** |
| **KH năm 2018** | 189,271 | 6,600 | 8,008 | 11,496 | 11,53 | 5,54 |
| **TH năm 2018** | 232,821 | 3,074 | 8,494 | 7,916 | 2,26 | 5,44 |
| **% TH/KH** | 123,01 | 46,58 | 106,06 | 60,1 | 19,6 | 98,19 |
| **% so cùng kỳ 2017** | 127,56 | 76,13 | 128,53 | 87,19 | 66,66 | 77,16 |

Doanh thu năm 2018 thực hiện là 232,821 tỷ đồng, đạt 123,01% kế hoạch năm và bằng 127,56% so với cùng kỳ năm 2017.

Lợi nhuận năm 2018 thực hiện là 3,074 tỷ đồng, đạt 46,58% kế hoạch năm và bằng 76,13% so với cùng kỳ năm 2017.

Mặc dù doanh thu tăng, nhưng do giá vật tư, nguyên liệu đầu vào trong năm liên tục biến động tăng mạnh: giá hạt nhựa tạo sợi tăng 11,5%, hạt nhựa tráng màng tăng 13,21%, giấy kraft tăng 3,05%, giá điện, xăng dầu cũng tăng gần 6%… đã khiến giá thành sản xuất vỏ bao tăng cao, làm giảm hiệu quả SXKD của Công ty.

Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thiết bị lớn do dây chuyền máy móc đã cũ, phải thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa và thay thế.

Công ty vẫn còn nhiều khó khăn về vốn lưu động, dư nợ của các đơn vị xi măng thường xuyên duy trì ở mức cao *(bình quân trên 70 tỷ đồng)* làm ảnh hưởng không nhỏ đến vòng quay vốn và tăng chi phí lãi vay.

**2. Thực hiện mục tiêu kế hoạch sản lượng năm 2018:**

**2.1. Sản lượng sản xuất năm 2018:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu chủ yếu** | **ĐVT** | **Kế hoạch năm 2018** | **Thực hiện năm 2018** | **Tỷ lệ % HTKH** | **So với 2017** |
| 1 | Tạo sợi | kg | 1.800.000 | 2.396.315 | 133,13 | 116,85 |
| 2 | Dệt | mét | 29.525.000 | 33.032.601 | 111,88 | 118,32 |
| 3 | Tráng màng | mét | 29.525.000 | 34.784.816 | 117,81 | 111,90 |
| 4 | In cắt lồng ống | ống | 36.000.000 | 42.663.314 | 118,51 | 116,62 |
| 5 | May bao | cái | 36.000.000 | 42.373.045 | 117,70 | 117,39 |

Năm 2018, Công ty đã triển khai sản xuất trong điều kiện máy móc thiết bị qua nhiều năm sử dụng nên thường xuyên phải sửa chữa bảo dưỡng, song đội ngũ sản xuất đã nỗ lực kết hợp cùng bộ phận vật tư và kinh doanh luôn đảm bảo tiến độ sản xuất và giao hàng.

Các chỉ tiêu sản xuất thực hiện năm 2018 đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra và cao hơn so với cùng kỳ 2017. Cụ thể, may bao được 42.373.045 cái, đạt 117,70% kế hoạch đề ra và bằng 117,39% so với 2017. Có những thời điểm sản lượng tăng cao, bộ phận sản xuất đã bố trí nhân lực tăng ca hợp lý, đáp ứng kịp thời yêu cầu về tiến độ của khách hàng.

Việc cải tiến chất lượng sản phẩm, sử dụng xăm mịn đã góp phần cải thiện rõ rệt về hình thức, mẫu mã sản phẩm vỏ bao, đặc biệt là vỏ bao Xi măng Hải Phòng được khách hàng đánh giá rất tốt.

Để tiếp tục phát huy kết quả đã đạt được bộ phận sản xuất cần thực hiện chặt chẽ hơn nữa quy trình quản lý chất lượng từng khâu, từng công đoạn sản xuất, đảm bảo vỏ bao sản xuất đáp ứng chất lượng khách hàng yêu cầu, đồng thời giảm thiểu tỷ lệ phế thải, phế phẩm phát sinh mang lại hiệu quả trong sản xuất.

**2.2. Sản lượng tiêu thụ vỏ bao năm 2018:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu chủ yếu** | **ĐVT** | **Kế hoạch năm 2018** | **Thực hiện năm 2018** | **Tỷ lệ % HTKH** | **So với 2017** |
| **I** | **Vỏ bao tiêu thụ** |  | **36.000.000** | **43.862.994** | **121,84** | **123,94** |
| 1 | Vỏ bao XM Hải Phòng | " | 23.000.000 | 21.284.619 | 92,54 | 99,38 |
| 2 | Vỏ bao XM H. Thạch | " | 1.000.000 | 319.810 | 31,98 | 66,63 |
| 4 | Vỏ bao XM Hạ Long (PK) | " | 1.000.000 | 3.625.200 | 362,52 |  |
| 5 | Vỏ bao XM Điện Biên | " | 2.500.000 | 3.887.300 | 155,49 | 110,75 |
| 6 | Vỏ bao XM HưngThịnh | " | 2.500.000 | 317.000 | 12,68 | 19,33 |
| 7 | Vỏ bao XM Xuất khẩu | " | 5.000.000 | 12.546.715 | 250,93 | 336,01 |
| 8 | Vỏ bao XM khác | " | 1.000.000 | 1.882.350 | 188,24 | 280,2 |

Năm 2018 là một năm khá thành công đối với công tác kinh doanh tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh việc tập trung cho thị trường chính là Xi măng Hải Phòng, bộ phận kinh doanh đã nỗ lực đẩy mạnh tiêu thụ tại thị trường xuất khẩu và mở rộng ra các thị trường khác, từ đó hoàn thành vượt mức kế hoạch sản lượng tiêu thụ đã đề ra. Sản lượng tiêu thụ năm 2018 thực hiện được 43.862.994 vỏ/KH 36 triệu vỏ, vượt 21,84% kế hoạch và vượt 23,94 so với cùng kỳ năm 2017. Cụ thể như sau:

+ Thị trường chính Xi măng Hải Phòng tiêu thụ cả năm là 21.284.619 cái vỏ bao, đạt 92,54% kế hoạch năm và bằng 99,38% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Vỏ bao Xi măng Điện Biên tăng trưởng mạnh, thực hiện năm 2018 được 3.887.300 vỏ bao, đạt 155,49% kế hoạch năm, bằng 110,75% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Vỏ bao PK cung cấp cho Xi măng Hạ Long bắt đầu thực hiện từ tháng 5/2018, tiêu thụ năm 2018 là 3.625.200 vỏ. Đây là đơn vị thuộc Vicem và có sản lượng tiêu thụ khá ổn định do chủng loại xi măng xuất khẩu này không phụ thuộc vào điều kiện thời tiết và yếu tố mùa vụ như xi măng nội địa.

+ Vỏ bao Xi măng xuất khẩu gồm vỏ bao xi măng Viết Nam và xi măng Tô Tây tiêu thụ mạnh, chủ yếu là vỏ bao PK-02 lớp. Thực hiện năm 2018 được trên 12,5 triệu vỏ/Tổng sản lượng tiêu thụ 43,86 triệu cái vỏ bao, chiếm tỷ trọng 28,6% trên tổng sản lượng tiêu thụ các thị trường.

**2.3. Về tiêu thụ xi măng:**

Công ty bắt đầu triển khai hợp đồng tiêu thụ xi măng từ tháng 7/2018, làm nhà phân phối xi măng rời của Xi măng Hải Phòng, Hoàng Long, Yên Bái, Lam Thạch *(thanh toán qua đối trừ công nợ tiền bán vỏ bao),* kết quả cụ thể:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chi tiết** | **Thực hiện năm 2018** | |
| **Sản lượng (tấn)** | **Lợi nhuận & CKTM (VNĐ)** |
| **TỔNG** | | **13.968,56** | **307.044.682** |
| 1 | Xi măng Hải Phòng | 8.343,10 | 251.130.082 |
| 2 | Xi măng Lam Thạch | 5.124,14 | 51.241.400 |
| 3 | Xi măng Hoàng Long | 157,06 | 1.230.600 |
| 4 | Xi măng Yên Bái | 344,26 | 3.442.600 |

**3. Lao động - Tiền lương:**

- Tổng số lao động bình quân: 248 người

- Tổng quỹ lương: 23,7 tỷ đồng

- Tiền lương bình quân: 7,887 triệu đồng/người/tháng.

**4. Thực hiện các dự án đầu tư và sửa chữa thiết bị:**

Công tác mua sắm, cải tạo và hoàn thiện dây chuyền thiết bị phục vụ sản xuất trong năm qua nhằm tăng năng suất và ổn định chất lượng sản phẩm đã thực hiện rất hiệu quả.

**5. Công tác tổ chức và quản lý**

Duy trì được việc làm và đời sống CB CNV ổn định, thu nhập bình quân 7,8 triệu đồng/người/tháng.

Tổ chức bữa ăn ca phục vụ CB CNV tại nhà ăn Công ty đảm bảo đảm bảo chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

Sửa chữa, chỉnh trang khuôn viên Công ty, sơn sửa nhà xưởng và phòng làm việc để cải thiện và nâng cao điều kiện làm việc cho CBCNV Công ty. Trang bị cây nước uống trong xưởng đảm bảo vệ sinh và điều kiện làm việc cho người lao động.

Công tác an toàn phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, vệ sinh công nghiệp và an ninh trật tự trong Công ty luôn được bảo đảm.

**Phần thứ hai**

MỤC TIÊU, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KH SXKD NĂM 2019

I. Điều kiện hoạt động

**1. Thuận lợi:**

Là Công ty cổ phần với sự góp vốn của Vicem đến 49% VĐL nên Công ty cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng có điều kiện thuận lợi được hưởng những ưu đãi của một công ty thành viên của Vicem, đặc biệt là thị trường phân phối trong Vicem rất rộng, rất tiềm năng.

Thị trường chính là Công ty xi măng Vicem Hải Phòng với sản lượng tiêu thụ hàng năm cao và ổn định (có khoảng cách rất gần về mặt địa lý nên giảm thiểu thời gian cung cấp, giảm chi phí vận chuyển, nắm bắt thông tin về chất lượng sản phẩm và có điều kiện điều chỉnh về chất lượng vỏ bao đáp ứng từng thời điểm xi măng yêu cầu).

Xi măng Sông Thao sát nhập về Xi măng Hải Phòng sẽ là một cơ hội để Bao bì Hải Phòng có điều kiện gia tăng sản lượng cung cấp vỏ bao. Đây cũng là điểm thuận lợi để cân đối lại thị trường, tập trung đẩy mạnh những phân đoạn thị trường hiệu quả hơn, giảm khai thác các thị trường cạnh tranh về giá và chi phí tài chính nhằm tăng hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

Thị trường giá cả vật tư đầu vào có dấu hiệu thuận lợi, giá vật tư chính như hạt nhựa có dấu hiệu giảm.

Cùng với đội ngũ CB CNV giàu kinh nghiệm, Ban lãnh đạo điều hành Công ty đầy nhiệt huyết, đoàn kết, luôn nỗ lực phấn đấu xây dựng Công ty ổn định và ngày càng phát triển.

2. Khó khăn và thách thức:

Thị trường vỏ bao xi măng cạnh tranh gay gắt, yêu cầu khắt khe về chất lượng sản phẩm trên cơ sở giá bán cạnh tranh.

Máy móc thiết bị ngày càng bộc lộ dấu hiệu hư hỏng sẽ làm ảnh hưởng trực tiếp đến năng suất và chất lượng sản phẩm. Vì vậy cần tăng chi phí đầu tư và có kế hoạch sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên.

Dư nợ thanh toán của các đơn vị khách hàng vẫn thường xuyên duy trì ở mức cao gây thiếu vốn lưu động, ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Từ những đặc điểm trên, Công ty đã xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019 như sau:

II. Kế hoạch kinh doanh năm 2019:

1. Mục tiêu tài chính:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nội dung** | **Kế hoạch** |
| Doanh thu (tỷ đồng) | 236,116 |
| Lợi nhuận ( tỷ đồng ) | 4,837 |
| Nộp ngân sách ( tỷ đồng ) | 8,624 |
| EBITDA ( tỷ đồng ) | 9,617 |
| Tỷ lệ cổ tức (bằng tiền) | Từ 10% VĐL |
| R.O.E ( Tỷ suất LN/Vốn CSH) % | 8,56 |
| R.O.A ( Tỷ suất LN/ tổng tài sản) % | 3,56 |

**\* Giải pháp và phương hướng thực hiện:**

- Bộ phận kinh doanh tiếp tục tập trung khai thác tối đa sản lượng vỏ bao cung cấp cho các đơn vị trong Vicem như Xi măng Hải Phòng, Hoàng Thạch, Hạ Long,… và duy trì giữ vững thị trường truyền thống đồng thời đẩy mạnh khai thác những thị trường mang lại hiệu quả cao, an toàn về tài chính.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác kinh doanh xi măng rời và clinker và khai thác thêm thị trường xuất khẩu xi măng, đặc biệt tăng tiêu thụ xi măng Hải Phòng nhằm tranh thủ thời cơ và sử dụng đồng vốn một cách hiệu quả.

- Xây dựng phương án giá thành cho từng loại vỏ bao và cho từng phân đoạn thị trường, tính điểm hòa vốn để làm căn cứ xác định giá bán cạnh tranh để tham gia đấu thầu cung cấp vỏ bao cho các công ty xi măng.

- Đẩy mạnh tiêu thụ đi đôi với tăng cường đôn đốc thanh toán thu hồi công nợ, hạn chế bị chiếm dụng vốn để hạn chế chi phí tài chính, tăng vòng quay vốn tạo nguồn cho sản xuất kinh doanh.

- Tăng cường giám sát và kiểm soát chất lượng bán thành phẩm và thành phẩm, ổn định chất lượng sản phẩm, khắc phục triệt để các thiếu sót trong quản lý chất lượng.

- Rà soát việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Kiểm soát chặt từng công đoạn sản xuất, giảm thiểu phế liệu, phế thải và sản phẩm hỏng nhằm tiết kiệm vật tư, hạ giá thành sản phẩm.

- Duy trì kế hoạch bảo dưỡng và sửa chữa thiết bị thường xuyên, đảm bảo thiết bị luôn được khai thác hiệu quả.

- Khai thác vật tư đảm bảo chất lượng và tiến độ, cạnh tranh về giá, đồng thời bám sát kế hoạch sản xuất để tránh khối lượng vật tư tồn kho lớn gây đọng vốn.

- Tiếp tục rà soát sắp xếp lại nhân lực, nhất là số nhân viên dôi dư tại các phòng nghiệp vụ, bỗi dưỡng nghiệp vụ, đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân vận hành.

- Thực hiện nghiêm nội quy kỷ luật lao động, kỷ luật vận hành, tăng cường công tác quản lý an toàn và vệ sinh lao động, PCCN, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

2. Mục tiêu sản lượng sản xuất và tiêu thụ:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Các loại vỏ bao** | **ĐVT** | **Kế hoạch năm 2019** |
| 1 | Vỏ bao XM Hải Phòng | Cái | 23.000.000 |
| 2 | Vỏ bao XM Hoàng Thạch | " | 1.040.000 |
| 3 | Vỏ bao XM Bút Sơn | " | 960.000 |
| 4 | Vỏ bao XM Điện Biên | " | 2.040.000 |
| 5 | Vỏ bao XM Hạ Long | " | 2.000.000 |
| 6 | Vỏ bao XM Xuất khẩu | " | 8.000.000 |
| 7 | Vỏ bao XM khác | " | 960.000 |
|  | **TỔNG CỘNG** | " | **38.000.000** |

**3. Kế hoạch kinh doanh xi măng và Clinker**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chi tiết** | **ĐVT** | **Kế hoạch năm 2019** |
| 1 | Xi măng rời | Tấn | 25.000 |
| 2 | Clinker | " | 50.000 |

4. Lao động - Tiền lương

- Tổng số lao động: 248 người

- Tổng quỹ lương: 22,174 tỷ đồng

- Tiền lương bình quân: không thấp hơn năm 2018.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

***Kính thưa toàn thể các quý vị đại biểu, quý vị cổ đông!***

Phát huy truyền thống công nhân xi măng **"Đoàn kết, kiên cường, sáng tạo"**, tập thể lãnh đạo, CBCNV Công ty Cổ phần Vicem Bao bì Hải Phòng đã nỗ lực, vượt qua khó khăn để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2018 và tiếp tục phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

Trong thời gian qua Công ty đã nhận được sự quan tâm giúp đỡ rất chân tình và hiệu quả của các đơn vị thành viên trong VICEM và các đơn vị bạn hàng. Chúng tôi xin chân thành cảm ơn và mong tiếp tục nhận được sự quan tâm tạo điều kiện của lãnh đạo Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam, Công ty xi măng Vicem Hải Phòng, các Công ty thành viên VICEM và sự chia sẻ giúp đỡ của các đơn vị bạn hàng, các quý vị cổ đông cũng như sự đoàn kết, quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty.

Xin chân thành cảm ơn!

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Đại hội đồng cổ đông; * TV HĐQT BXH; * Lưu: VT, P.TH. | **GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Anh Nghĩa** |